

BIỂU MẪU 09a

(Kèm theo Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG THCS QUANG TRUNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục của trường THCS, năm học 2016 - 2017

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	2076	552	505	534	485
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	93.59%	96.56%	93.47%	90.45%	93.81%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	5.68%	3.44%	5.94%	7.3%	6.19%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0.72%	0%	0.59%	2.25%	0%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0%	0%	0%	0%
II	Số học sinh chia theo học lực	2076	552	505	534	485
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	54.96%	60.87%	52.67%	56.37%	49.07%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	30.97%	29.53%	32.67%	25.84%	36.49%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	12.48%	8.15%	13.27%	14.42%	14.43%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	1.40%	1.45%	1.19%	2.81%	0%
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0.19%	0%	0.2%	0.56%	0%
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	2076	552	505	534	485
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	98.41%	98.55%	98.61%	96.63%	100%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	54.96%	60.87%	52.67%	56.37%	49.07%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	30.97%	29.53%	32.67%	25.84%	36.49%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	1.4%	1.45%	1.19%	2.81%	0%

3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0.19%	0	0.2%	0.56%	0%
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	0.39% 1.69%	0.54% 1.63%	0.40% 1.39%	0.19% 2.81%	0.41% 0.82%
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0%	0%	0%	0%
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0%	0%	0%	0%
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp tỉnh/thành phố	28	9	4	4	11
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	1				1
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	485				485
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	485				485
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					49.07%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					36.49%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)					14.43%
VII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	1088/988	301/251	253/252	271/263	263/222
VIII	Số học sinh dân tộc thiểu số	35	6	13	7	9

Gò Vấp, ngày 30 tháng 05 năm 2017

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



Vũ Mai Hương

Biểu mẫu 05

(Kèm theo Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG THCS QUANG TRUNG

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục phổ thông, năm học 2017 - 2018

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	Học sinh trong độ tuổi và trên địa bàn phường 10	Điều kiện phiên chế lớp cho phép	Điều kiện phiên chế lớp cho phép	Điều kiện phiên chế lớp cho phép
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ	Theo quy định của BDG&ĐT	Theo quy định của BDG&ĐT	Theo quy định của BDG&ĐT	Theo quy định của BDG&ĐT
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Phối hợp thường xuyên và kịp thời - Thái độ học tập chủ động, có bản lĩnh, thực hiện các qui định của nhà trường trong nề nếp	- Phối hợp thường xuyên và kịp thời - Thái độ học tập chủ động, có bản lĩnh, thực hiện các qui định của nhà trường trong nề nếp	- Phối hợp thường xuyên và kịp thời - Thái độ học tập chủ động, có bản lĩnh, thực hiện các qui định của nhà trường trong nề nếp	- Phối hợp thường xuyên và kịp thời - Thái độ học tập chủ động, có bản lĩnh, thực hiện các qui định của nhà trường trong nề nếp
IV	Điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục cam kết phục vụ học sinh (như các loại phòng phục vụ học tập, thiết bị dạy học, tin học ...)	- Đảm bảo đủ phòng học, cơ sở vật chất phục vụ học tập cho học sinh tốt	- Đảm bảo đủ phòng học, cơ sở vật chất phục vụ học tập cho học sinh tốt	- Đảm bảo đủ phòng học, cơ sở vật chất phục vụ học tập cho học sinh tốt	- Đảm bảo đủ phòng học, cơ sở vật chất phục vụ học tập cho học sinh tốt
V	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Thực hiện phong trào TĐTT, ngoài giờ lên lớp, thực hiện học tin học	- Thực hiện phong trào TĐTT, ngoài giờ lên lớp, thực hiện học tin học	- Thực hiện phong trào TĐTT, ngoài giờ lên lớp, thực hiện học tin học, thực hiện học nghề 3 môn	- Thực hiện phong trào TĐTT, ngoài giờ lên lớp, đảm bảo TN.THCS 100%

				: Nấu ăn, Tin học, Điện nhà.	
VI	Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, phương pháp quản lý của cơ sở giáo dục	- Đạt chuẩn 100%, trên chuẩn 88.6%, chất lượng giảng dạy của giáo viên từ khá trở lên	- Đạt chuẩn 100%, trên chuẩn 88.6%, chất lượng giảng dạy của giáo viên từ khá trở lên	- Đạt chuẩn 100%, trên chuẩn 88.6%, chất lượng giảng dạy của giáo viên từ khá trở lên	- Đạt chuẩn 100%, trên chuẩn 88.6%, chất lượng giảng dạy của giáo viên từ khá trở lên
VII	Kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Dự kiến sức khỏe tốt, học lực khá giỏi 90% trở lên không có học sinh đạt hạnh kiểm yếu	- Dự kiến sức khỏe tốt, học lực khá giỏi 90% trở lên không có học sinh đạt hạnh kiểm yếu	- Dự kiến sức khỏe tốt, học lực khá giỏi 90% trở lên không có học sinh đạt hạnh kiểm yếu	- Dự kiến sức khỏe tốt, học lực khá giỏi 90% trở lên không có học sinh đạt hạnh kiểm yếu
VIII	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	- Đảm bảo theo biên chế từng lớp, bỏ học không quá 1%	- Đảm bảo theo biên chế từng lớp, bỏ học không quá 1%	- Đảm bảo theo biên chế từng lớp, bỏ học không quá 1%	- Đảm bảo theo biên chế từng lớp, bỏ học không quá 1%

Gò Vấp, ngày 31 tháng 08 năm 2017

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)


Vũ Mai Hương

BIỂU MẪU 10

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG THCS QUANG TRUNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường THCS,
năm học 2017 - 2018**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	36	1m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	36	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Số phòng học bộ môn	6	-
4	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	1	-
5	Bình quân lớp/phòng học	1.2	-
6	Bình quân học sinh/lớp	46.8	-
III	Số điểm trường		-
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	5311	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	2754	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	2016	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	360	
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)		
3	Diện tích thư viện (m ²)	148	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)		
5	Diện tích phòng khác (...)(m ²)	42	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	299	Số bộ/lớp
1	Khối lớp 6	90	90/12
2	Khối lớp 7	61	61/12
3	Khối lớp 8	88	88/10
4	Khối lớp 9	60	60/11
5	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)		-
6			

VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)		112		1 học sinh/bộ	
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		72		Số thiết bị/lớp	
1	Ti vi		1			
2	Cát xét		12			
3	Đầu Video/đầu đĩa		1			
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể		4			
5	Thiết bị khác : Laptop		8			
6	Màn hình LCD		44			
7	Bảng tương tác		2			
	Nội dung	Số lượng (m ²)				
X	Nhà bếp					
XI	Nhà ăn					
	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)		Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ	
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	1400		1178	1.2	
XIII	Khu nội trú					
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2		12		0.16
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGDĐT ngày 02/4/2007 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Gò Vấp, ngày 31 tháng 08 năm 2017

Thư trưởng đơn vị



Vũ Mai Hương

BIỂU MẪU 11

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG THCS QUANG TRUNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của trường THCS, năm học 2017 - 2018**

STT	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Trình độ đào tạo						Ghi chú
			Tuyển dụng trước NĐ 29 và tuyển dụng theo NĐ 29 (Biên chế, hợp đồng làm việc ban đầu, hợp đồng làm việc có thời hạn, hợp đồng làm việc không thời hạn)	Các hợp đồng khác (Hợp đồng làm việc, hợp đồng vụ việc, ngắn hạn, thỉnh giảng, hợp đồng theo NĐ 68)	TS	ThS	ĐH	CĐ	TCCN	Dưới TCCN	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	103	85	18		3	74	12	2	12	
I	Giáo viên	77	76	1		2	65	10			
	Trong đó số giáo viên dạy môn:										
1	Toán	13	13			1	10	2			
2	Lý	4	4				4				
3	Hóa	3	2	1			2	1			
4	Thể dục	5	5				5				
5	Nhạc	3	3				1	2			
6	Mỹ thuật	2	2				1	1			
7	Tin học	3	3				3				
8	Anh văn	11	11			1	10				
9	Văn	12	12				12				
10	Sử	4	4				4				
11	Địa	4	4				3	1			
12	Sinh	5	5				4	1			
13	GDCD	3	3				2	1			
14	Công nghệ	5	5				4	1			
II	Cán bộ quản lý	3	3			1	2				
1	Hiệu trưởng	1	1			1					
2	Phó hiệu trưởng	2	2				2				
III	Nhân viên	23	6	17			7	2	2	12	
1	Nhân viên văn thư	1	1				1				
2	Nhân viên kế toán	1	1				1				

3	Thủ quỹ	1		1			1				
4	Nhân viên y tế	1	1						1		
5	Nhân viên vi tính	1		1				1			
6	Nhân viên khác	18	3	15			4	1	1	12	

Gò Vấp, ngày 31 tháng 08 năm 2017

Thủ trưởng đơn vị



Vũ Mai Hương